

Số: 32/NQ-HĐKĐCL

Hà Nội, ngày 04 tháng 3 năm 2024

NGHỊ QUYẾT
Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng
Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Nga
của Trường Đại học Hà Nội

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 350/QĐ-KĐCL ngày 19/7/2021 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 117/QĐ-KĐCL ngày 07/02/2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc tổ chức Phiên họp XXVI của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 118/QĐ-KĐCL ngày 07/02/2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc thành lập các Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục Phiên XXVI;

Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Nga của Trường Đại học Hà Nội, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, Báo cáo thẩm định của Tiểu ban chuyên môn và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả trao đổi, thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Nghị quyết tại Phiên họp XXVI ngày 02-03/3/2024 của Hội đồng,

QUYẾT NGHỊ:

1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Nga (sau đây gọi là Chương trình đào tạo) của Trường Đại học Hà Nội của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo theo đúng quy định hiện hành. Kết quả đánh giá phản ánh đúng hiện trạng của Chương trình đào tạo và đã được Nhà trường đồng thuận.

Thẩm định kết quả đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo cho thấy số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” là 46 tiêu chí (trong tổng số 50 tiêu chí), chiếm 92%, trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” (chi tiết trong *Phụ lục I*).

2. Kiến nghị Trường Đại học Hà Nội và đơn vị có chương trình đào tạo được đánh giá cần thực hiện 11 nhóm giải pháp để cải tiến chất lượng Chương trình đào tạo (chi tiết trong *Phụ lục II*).

3. Căn cứ Điều 23, Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cho Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Nga của Trường Đại học Hà Nội.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**



Đinh Văn Toàn

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Phụ lục I
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHÍNH QUY TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH NGÔN NGỮ ANH CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI
(Kèm theo Nghị quyết số: 32/NQ-HĐKĐCL ngày 04 tháng 3 năm 2024
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)

| Tiêu chuẩn, tiêu chí | Đánh giá tiêu chí | Tổng hợp theo tiêu chuẩn | | | Tiêu chuẩn, tiêu chí | Đánh giá tiêu chí | Tổng hợp theo tiêu chuẩn | | |
|----------------------------|----------------------------|-----------------------------|--------------------------|-----------------------------|------------------------------|----------------------------|-----------------------------|--------------------------|-----------------------------|
| | | Mức trung bình | Số tiêu chí đạt | Tỉ lệ số tiêu chí đạt | | | Mức trung bình | Số tiêu chí đạt | Tỉ lệ số tiêu chí đạt |
| Tiêu chuẩn 1 | | | | | Tiêu chuẩn 7 | | | | |
| Tiêu chí 1.1 | 4 | 4.00 | 3 | 100% | Tiêu chí 7.1 | 4 | 4.00 | 5 | 100% |
| Tiêu chí 1.2 | 4 | | | | Tiêu chí 7.2 | 4 | | | |
| Tiêu chí 1.3 | 4 | | | | Tiêu chí 7.3 | 4 | | | |
| Tiêu chuẩn 2 | | | | Tiêu chí 7.4 | 4 | | | | |
| Tiêu chí 2.1 | 4 | 3.67 | 2 | 66.67% | Tiêu chí 7.5 | 4 | | | |
| Tiêu chí 2.2 | 3 | | | | Tiêu chuẩn 8 | | | | |
| Tiêu chí 2.3 | 4 | | | | Tiêu chí 8.1 | 4 | 4.20 | 5 | 100% |
| Tiêu chuẩn 3 | | | | Tiêu chí 8.2 | 4 | | | | |
| Tiêu chí 3.1 | 4 | 3.67 | 2 | 66.67% | Tiêu chí 8.3 | 4 | | | |
| Tiêu chí 3.2 | 3 | | | | Tiêu chí 8.4 | 4 | | | |
| Tiêu chí 3.3 | 4 | | | | Tiêu chí 8.5 | 5 | | | |
| Tiêu chuẩn 4 | | | | | | | | | |
| Tiêu chí 4.1 | 4 | 4.00 | 3 | 100% | Tiêu chuẩn 9 | | | | |
| Tiêu chí 4.2 | 4 | | | | Tiêu chí 9.1 | 4 | 4.40 | 5 | 100% |
| Tiêu chí 4.3 | 4 | | | | Tiêu chí 9.2 | 5 | | | |
| Tiêu chuẩn 5 | | | | Tiêu chí 9.3 | 5 | | | | |
| Tiêu chí 5.1 | 4 | 4.20 | 5 | 100% | Tiêu chí 9.4 | 4 | | | |
| Tiêu chí 5.2 | 5 | | | | Tiêu chí 9.5 | 4 | | | |
| Tiêu chí 5.3 | 4 | | | | Tiêu chuẩn 10 | | | | |
| Tiêu chí 5.4 | 4 | | | | Tiêu chí 10.1 | 4 | 3.83 | 5 | 83.33% |
| Tiêu chí 5.5 | 4 | Tiêu chí 10.2 | 3 | | | | | | |
| Tiêu chuẩn 6 | | | | Tiêu chí 10.3 | 4 | | | | |
| Tiêu chí 6.1 | 5 | 4.14 | 7 | 100% | Tiêu chí 10.4 | 4 | | | |
| Tiêu chí 6.2 | 4 | | | | Tiêu chí 10.5 | 4 | | | |
| Tiêu chí 6.3 | 4 | | | | Tiêu chí 10.6 | 4 | | | |
| Tiêu chí 6.4 | 4 | | | | Tiêu chuẩn 11 | | | | |
| Tiêu chí 6.5 | 4 | | | | Tiêu chí 11.1 | 4 | 3.80 | 4 | 80% |
| Tiêu chí 6.6 | 4 | | | | Tiêu chí 11.2 | 4 | | | |
| Tiêu chí 6.7 | 4 | | | | Tiêu chí 11.3 | 4 | | | |
| | | Tiêu chí 11.4 | 3 | | | | | | |
| | | Tiêu chí 11.5 | 4 | | | | | | |
| Đánh giá chung CTĐT | | Số tiêu chí đạt | | | Tỉ lệ số tiêu chí đạt | | | | |
| | | 46 | | | 92% | | | | |

Phụ lục II
CÁC KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG ĐỐI VỚI
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHÍNH QUY TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH NGÔN NGỮ NGA CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI

*(Kèm theo Nghị quyết số: 32/NQ-HĐKĐCL ngày 04 tháng 3 năm 2024
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)*

Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Nga (CTĐT) của Trường Đại học Hà Nội đã được Nhà trường tự đánh giá và được Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đánh giá chất lượng. Kết quả đánh giá chất lượng đối với CTĐT giai đoạn 2019-2023 cho thấy có những điểm mạnh sau đây:

Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng của Nhà trường, phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam và mục tiêu của giáo dục đại học. Bản mô tả CTĐT có đầy đủ các thông tin cập nhật. chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra, được định kỳ rà soát; các khối kiến thức được thiết kế khá cân đối, có tính tích hợp. Triết lý giáo dục của Nhà trường được phát biểu rõ ràng và được giới thiệu rộng rãi đến các bên liên quan. Các hoạt động dạy học được thiết kế đa dạng, linh hoạt, chú trọng đến sự tham gia chủ động và tích cực của người học. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được quy định và hướng dẫn thực hiện; phương pháp kiểm tra đánh giá khá đa dạng; kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời giúp người học cải thiện việc học tập. Chiến lược phát triển và quy hoạch nguồn nhân lực đến 2025 được quan tâm; đội ngũ giảng viên cơ hữu có tuổi đời bình quân trẻ, nhiệt huyết, có trình độ và năng lực chuyên môn cao đáp ứng tốt CTĐT. Chính sách, phương thức tuyển sinh khá linh hoạt. Việc giám sát tiến độ học tập của người học; các hoạt động tư vấn học tập, ngoại khóa và các dịch vụ hỗ trợ được tổ chức có hiệu quả. Cảnh quan, môi trường xanh, sạch đẹp; môi trường sư phạm lành mạnh; môi trường tâm lý, xã hội thân thiện. Cơ sở vật chất đáp ứng tốt nhu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học; thư viện được quan tâm đầu tư, nguồn tài liệu được bổ sung, cập nhật thường xuyên; chuyển đổi số và công nghệ thông tin được ứng dụng trong quản lý và hoạt động chuyên môn. Chương trình dạy học được định kỳ rà soát, điều chỉnh; thông tin phản hồi từ các bên liên quan được thu thập và sử dụng để cải tiến; mức độ phù hợp, tương thích với chuẩn đầu ra học phần và kết quả bài thi bước đầu được đánh giá phục vụ trực tiếp cho cải tiến các hoạt động dạy học và kiểm tra đánh giá. Các tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình, tỉ lệ có việc làm và nghiên cứu khoa học của sinh viên được giám sát; tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp, tốt nghiệp có việc làm khá cao, có nhiều sinh viên tốt nghiệp tự tạo việc làm; sinh viên tốt nghiệp được nhà sử dụng lao động đánh giá cao về năng lực ngoại ngữ và khả năng học hỏi, cập nhật kiến thức mới phục vụ công việc.

Tuy nhiên, CTĐT còn những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng (cụ thể trong Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài). Trên cơ sở Hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại Phiên họp, Hội đồng kiến nghị Nhà trường và đơn vị có chương trình đào tạo được đánh giá cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp dưới đây:

1. Tăng cường tham khảo các CTĐT tiên tiến, lấy ý kiến của đa dạng các bên liên quan để rà soát, cập nhật mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT phù hợp hơn với giá trị cốt lõi, định vị được CTĐT trong việc đáp ứng sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường. Diễn đạt lại các chuẩn đầu

ra để đáp ứng được đầy đủ yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam về khả năng khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, đảm bảo tính khả thi và có thể đo lường, đánh giá được.

2. Tiếp tục rà soát, cập nhật thông tin bản mô tả CTĐT, cân nhắc có phiên bản bằng ngôn ngữ tiếng Nga để giới thiệu đến các bên liên quan và tăng hiệu quả truyền thông về CTĐT. Rà soát, hoàn thiện đề cương các học phần, xây dựng và bổ sung bảng ma trận thể hiện sự kết nối giữa chuẩn đầu ra CTĐT với chuẩn đầu ra học phần; bổ sung, điều chỉnh nội dung học phần đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra; xác định cụ thể mức độ tương thích của các phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá với chuẩn đầu ra của học phần.

3. Tăng cường tham khảo các CTĐT tiên tiến, lấy ý kiến các bên liên quan, nhất là nhà sử dụng lao động và phân tích yêu cầu của thị trường lao động để tiếp tục rà soát, điều chỉnh chương trình dạy học, xác định chuẩn xác mức độ đóng góp của học phần vào đạt chuẩn đầu ra của CTĐT; rà soát, bổ sung các nội dung kiến thức phù hợp; tăng cường các kiến thức nâng cao về sử dụng công nghệ thông tin; tăng cường năng lực số, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp. Nghiên cứu giải pháp khả thi hỗ trợ đào tạo song bằng, ngành chính-phụ để tăng cơ hội lựa chọn cho sinh viên.

4. Xây dựng hướng dẫn và có kế hoạch hành động để chuyển hóa cụ thể triết lý giáo dục vào CTĐT. Định kỳ đánh giá hiệu quả việc đổi mới phương pháp dạy học để cải tiến; tăng cường áp dụng công nghệ thông tin, hệ thống LMS và các phương pháp giảng dạy tiên tiến và dạy - học kết hợp để tăng động lực học tập, đồng thời phát triển các năng lực tư duy cho người học hướng tới đạt chuẩn đầu ra.

5. Tiếp tục rà soát, cập nhật các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học phù hợp với chuẩn đầu ra; xây dựng lộ trình đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra của CTĐT theo quy định. Đa dạng các hình thức đánh giá, tăng cường các hình thức đánh giá thực và tích hợp, chú trọng đánh giá của doanh nghiệp trong các học phần thực tập, phiên dịch. Sớm hoàn thiện ngân hàng đề thi, các rubrics đánh giá phù hợp với từng loại hình. Nghiên cứu áp dụng các phần mềm chuyên dụng để đánh giá được độ giá trị, độ tin cậy của các phương pháp kiểm tra đánh giá và đảm bảo đo lường được các chuẩn đầu ra.

6. Có chính sách, cơ chế để thu hút các chuyên gia đầu ngành cho CTĐT. Có quy định, hướng dẫn về phân công và đánh giá thực hiện nhiệm vụ phục vụ cộng đồng. Thực hiện khảo sát nhu cầu đào tạo của từng giảng viên theo yêu cầu năng lực và mức năng lực cần có theo vị trí việc làm để xây dựng kế hoạch và triển khai các hoạt động bồi dưỡng hiệu quả. Có chính sách, cơ chế đặc thù thúc đẩy nghiên cứu khoa học, đẩy mạnh các nghiên cứu có tính liên ngành, ứng dụng trong giảng dạy ngôn ngữ gắn với công nghệ và có khả năng chuyển giao.

7. Xây dựng chiến lược và chính sách phát triển đội ngũ nhân viên; xác lập các chỉ tiêu phát triển phù hợp với giai đoạn chuyển đổi số và công nghệ 4.0. Hoàn thiện bộ chỉ báo năng lực để đánh giá và đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ hỗ trợ có tính đến đặc thù từng vị trí công việc và yêu cầu của CTĐT. Xây dựng và ban hành quy định về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng với các tiêu chí đánh giá, ghi nhận kết quả đối với nhân viên.

8. Thường xuyên đánh giá nhu cầu nhân lực của ngành đào tạo và kiện toàn các nhóm truyền thông, tư vấn tuyển sinh; khảo sát ý kiến của tân sinh viên ngay khi nhập học để nắm bắt nhu cầu, định hướng ngành học làm sở điều chỉnh chính sách tuyển sinh và truyền thông. Có

giải pháp tăng dần chỉ tiêu tuyển sinh, phân tích sâu các nguyên nhân để đưa ra giải pháp hiệu quả giảm tỷ lệ bị cảnh báo học vụ. Tăng cường các hoạt động giáo dục, hỗ trợ khởi nghiệp và việc làm cho sinh viên.

9. Có phương án tăng diện tích làm việc đối với giảng viên; bổ sung học liệu số và tài liệu chuyên ngành cho thư viện; có chính sách khuyến khích giảng viên biên soạn giáo trình, bài giảng điện tử, xuất bản học liệu. Khảo sát ý kiến của giảng viên, sinh viên về cơ sở vật chất và trang thiết bị thực hành để có giải pháp cải tiến; đẩy nhanh tiến độ thực hiện đề án chuyển đổi số; quan tâm các giải pháp an toàn phòng chống cháy nổ, tăng ý thức giảm thiểu chất thải nhựa và bảo vệ môi trường; phát động phong trào thực hiện 5S trong khuôn viên Trường.

10. Sớm cập nhật quy định và có hướng dẫn cụ thể, chi tiết về quy trình xây dựng và phát triển CTĐT; có kế hoạch cụ thể và quy trình đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra của sinh viên tốt nghiệp theo quy định. Mở rộng khảo sát đánh giá về chất lượng giảng dạy học phần; đánh giá đầy đủ, bài bản hơn về tính tương thích của các nội dung, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá để cải tiến. Rà soát một cách hệ thống, bài bản cơ chế phản hồi của các bên liên quan làm cơ sở cho việc liên tục cải tiến, nâng cao chất lượng các hoạt động.

11. Có các giải pháp giảm tỷ lệ sinh viên thôi học, tăng tỷ lệ sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học, tự tạo việc làm. Liên kết, hợp tác hiệu quả, sâu rộng trong và ngoài nước để xây dựng chiến lược, kế hoạch và có giải pháp hiệu quả hội nhập quốc tế trên cơ sở điều chỉnh, phát triển CTĐT và nghiên cứu khoa học đáp ứng các thay đổi; chú trọng phát triển phẩm chất, nâng cao năng lực cho sinh viên tốt nghiệp. Thu thập và cung cấp thông tin về nhu cầu thực tiễn và xây dựng ngân hàng và thực hiện các hướng/đề tài/nhiệm vụ khoa học công nghệ về ngôn ngữ, văn hóa Nga tạo ra các sản phẩm hoàn chỉnh đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập quốc tế và thực hiện sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường.

Trên đây là 11 nhóm giải pháp tổng hợp. Nhà trường, đơn vị có chương trình đào tạo được đánh giá cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để có thêm những giải pháp chi tiết trong quá trình triển khai thực hiện. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Nga gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội.

HÀ